

Số: 114/KH-SYT

Bắc Giang, ngày 26 tháng 10 năm 2016

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2016 - 2020 của ngành Y tế tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm (ATTP) số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010; Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP;

Căn cứ Kế hoạch số 15-KH/TU ngày 18/01/2012 của Tỉnh ủy Bắc Giang về việc thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề ATTP trong tình hình mới (*Kế hoạch 15-KH/TU*);

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-BYT ngày 07/6/2016 về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Chương trình vận động và giám sát bảo đảm ATTP giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 959/KH-UBND ngày 15/5/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030 (*Kế hoạch 959/KH-UBND*); Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 20/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường công tác bảo đảm ATTP (*Chỉ thị 03/CT-UBND*); Kế hoạch số 1542/KH-UBND ngày 03/6/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP (*Kế hoạch 1542/KH-UBND*);

Sở Y tế xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia ATTP giai đoạn 2016 - 2020 của ngành Y tế tỉnh Bắc Giang như sau:

Phần thứ nhất:

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Hằng năm, các đơn vị chức năng trong ngành và phòng Y tế các huyện, thành phố đã tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, BCĐLN về ATTP ban hành các văn bản, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thường xuyên công tác bảo đảm ATTP, tăng cường thực hiện vào dịp Tết, lễ hội, Tháng hành động, mùa hè, các sự kiện do tỉnh và địa phương tổ chức.

Sở Y tế đã tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành một số văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành triển khai công tác quản lý nhà nước về ATTP trên

địa bàn tỉnh như: Kế hoạch 15-KH/TU, Kế hoạch 959/KH-UBND, Chỉ thị 03/CT-UBND, Kế hoạch 1542/KH-UBND...

Ngoài ra, Sở Y tế đã phối hợp với Sở NN&PTNT, Sở Công Thương ban hành Quy chế phối hợp số 1094/QCPH-YT-NN-CT ngày 28/8/2015 về công tác quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; ban hành Hướng dẫn số 49/SYT-ATTP ngày 14/01/2015 của Sở Y tế về quản lý ATTP của ngành y tế; Hướng dẫn số 699/HD-SYT ngày 08/6/2015 của Sở Y tế về triển khai xử trí vụ ngộ độc thực phẩm (NĐTP).

II. THỰC HIỆN CHỈ TIÊU CHUYÊN MÔN *(Chi tiết tại phụ lục 1)*

1. Công tác thông tin, giáo dục truyền thông về ATTP

Để đạt được mục tiêu “Nâng cao kiến thức và thực hành về ATTP” vào năm 2015 theo Kế hoạch 959/KH-UBND, trong những năm qua, ngành Y tế đã quan tâm, phối hợp với cơ quan truyền thông các cấp triển khai tuyên truyền, giáo dục kiến thức, pháp luật về ATTP, coi đây là giải pháp quan trọng để góp phần tích cực trong việc cải thiện về bảo đảm ATTP. Hằng năm, việc triển khai công tác này đã chú trọng thực hiện về nội dung, hình thức để phù hợp với tình hình mới, ngành Y tế đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tuyên truyền về ATTP; trung bình mỗi năm tổ chức triển khai được 97 lễ/hội nghị phát động Tháng hành động vì ATTP, huy động 12.819 lượt người tham dự; 338 buổi nói chuyện với 8.727 lượt người; 140 hội nghị, hội thảo, tập huấn với 4.884 người; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, huyện, xã được 11.890 lượt; sử dụng 21.145 sản phẩm tuyên truyền các loại; ngoài ra còn triển khai tuyên truyền, phổ biến kiến thức thông qua bản tin nội bộ do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phát hành và tại các điểm chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh...

Với sự vào cuộc của các ngành, các cấp đối với hoạt động truyền thông về ATTP đã góp phần quan trọng trong việc cải thiện nhận thức, thực hành đúng về ATTP, đạt mục tiêu thực hiện Chiến lược quốc gia ATTP đến năm 2015 của tỉnh đề ra. Kết quả điều tra, xác định tỷ lệ các nhóm truyền thông đích có kiến thức, thực hành đúng về ATTP năm 2015 như sau: Người lãnh đạo quản lý đạt 81,4% (*KH đến năm 2015 là 80,0%*); người sản xuất thực phẩm đạt 72,5%, người kinh doanh thực phẩm đạt 71,4%, người tiêu dùng thực phẩm đạt 70,8% (*KH đến năm 2015 của các nhóm truyền thông này là 70,0%*).

2. Công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về ATTP

Công tác đào tạo, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, thanh tra, kiểm tra về ATTP và tập huấn kiến thức, kỹ năng truyền thông được tăng cường triển khai; giai đoạn 2011 - 2015 từ nguồn kinh phí đầu tư của CTMT quốc gia VSATTP, các đơn vị trong ngành đã tổ chức 231 lớp tập huấn với 12.531 lượt cán bộ tham dự, trong đó có: 26 lượt cán bộ tuyến tỉnh; 1.807 lượt cán bộ của TTYT, phòng y tế và thành viên BCĐLN về ATTP huyện, thành phố; 5.581 lượt cán bộ Trạm y tế và thành viên BCĐLN về ATTP xã, phường; 5.117 cán bộ là trưởng thôn, chi hội trưởng chi hội phụ nữ và nhân viên y tế thôn, bản

Sở Y tế phối hợp với Thanh tra Bộ Y tế tổ chức tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn về nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính cho 384 cán bộ là thanh tra viên; Trưởng đoàn thanh tra, kiểm tra; cộng tác viên thanh tra thuộc các đơn vị trong ngành y tế từ tuyến tỉnh đến xã, phường. Chi cục ATVSTP phối hợp với Trường Đại học Y Thái Bình mở 01 lớp đào tạo chứng chỉ về ATTP cho 54 cán bộ làm công tác ATTP thuộc các tuyến.

Từ kết quả đào tạo, tập huấn về ATTP như trên, góp phần nâng cao năng lực quản lý, kiểm tra, giám sát về ATTP cho cán bộ là thành viên BCĐLN về ATTP và cán bộ làm công tác ATTP trong ngành Y tế. Tuy nhiên, trong 5 năm qua, việc thay đổi các văn bản quy phạm pháp luật về ATTP, thay đổi thành viên BCĐLN về ATTP, cán bộ làm công tác ATTP tạo nên những khó khăn, hạn chế về chất lượng, năng lực cán bộ làm công tác ATTP tại các tuyến, cần phải tiếp tục đào tạo, tập huấn kiến thức cơ bản, chuyên sâu về lĩnh vực ATTP trong thời gian tới.

3. Công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra về ATTP

Hàng năm, các đơn vị chức năng trong ngành đã tiến hành điều tra, thông kê, lập sổ theo dõi cơ sở thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý theo phân cấp; tiến hành giao chỉ tiêu kế hoạch chuyên môn đối với từng cấp, từng đơn vị để căn cứ thực hiện và đánh giá kết quả triển khai công tác quản lý nhà nước về ATTP thuộc trách nhiệm của ngành y tế. Mặc dù thực hiện quản lý theo quy định của Luật ATTP từ năm 2013, nhưng các đơn vị chức năng trong ngành đã chủ động triển khai và phối hợp với các đơn vị liên quan duy trì kiểm soát bảo đảm ATTP đối với các cơ sở thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý, cũng như cơ sở thực phẩm thuộc ngành NN&PTNT, công thương quản lý. Kết quả thực hiện trung bình mỗi năm, quản lý 5.213 cơ sở thực phẩm, tiến hành kiểm tra 8.834 lượt cơ sở với tỷ lệ đạt yêu cầu chiếm 73,5%; số cơ sở thực phẩm vi phạm về ATTP bị xử lý (cảnh cáo, phạt tiền, đóng cửa) chiếm 4,6% với số tiền phạt trên 200 triệu đồng.

Công tác thanh tra, kiểm tra trong thời gian qua đã có nhiều cố gắng, đạt được kết quả nhất định, nhưng công tác này tại các cấp còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế về nhân lực, nghiệp vụ chuyên môn, các đoàn/tổ kiểm tra chưa quyết liệt kiến nghị với người có thẩm quyền xử phạt tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về ATTP, nhất là các đoàn kiểm tra do TTYT huyện, thành phố, UBND xã, phường chủ trì triển khai chủ yếu thực hiện nhắc nhở, khắc phục vi phạm về ATTP (*chiếm 95,4% số cơ sở có vi phạm*). Vì vậy, trong thời gian tới phải kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm về ATTP; tổ chức, thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định của Luật thanh tra và Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01/12/2015 của Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành.

4. Công tác phòng, chống các sự cố về ATTP

4.1. Công tác giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm

Hàng năm, hoạt động giám sát chủ động mối nguy ô nhiễm thực phẩm bằng test nhanh và trong Labo đã được duy trì triển khai. Trung bình mỗi năm,

ngành Y tế thực hiện 2.965 test nhanh về vệ sinh ATTP, tỷ lệ mẫu đạt yêu cầu chiếm 98,4%; kiểm nghiệm trong labo được trên 700 mẫu, tỷ lệ đạt chất lượng, vệ sinh chiếm 87,9%. Kết quả giám sát ô nhiễm thực phẩm đã góp phần quan trọng trong việc định hướng chỉ đạo, quản lý cơ sở thực phẩm, phòng ngừa NĐTP và các bệnh truyền qua thực phẩm; đồng thời khuyến cáo, cảnh báo cho người tiêu dùng chủ động áp dụng các biện pháp an toàn trong lựa chọn, mua, sử dụng thực phẩm. Tuy nhiên, việc triển khai giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm bằng kiểm nghiệm định lượng mới được tổ chức, thực hiện ở tuyến tỉnh; không triển khai được tại tuyến huyện, xã do không có kinh phí, năng lực xét nghiệm thực phẩm tại tuyến huyện, thành phố còn nhiều hạn chế.

4.2. Công tác phòng, chống ngộ độc thực phẩm

- Công tác giám sát NĐTP và các bệnh truyền qua thực phẩm đã được lồng ghép trong hệ thống giám sát dịch bệnh của ngành y tế từ tỉnh đến thôn, bản. Tuy nhiên, việc giám sát, thống kê, báo cáo ca NĐTP lẻ tẻ mới tập trung thực hiện được tại BVĐK các tuyến và duy trì báo cáo nhanh hằng tuần. Trong thời gian tới, cần phải xây dựng, củng cố, thực hiện công tác này tại các Trạm Y tế xã, phường và trong cộng đồng; các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân và cơ sở điều trị không thuộc ngành y tế quản lý trên địa bàn tỉnh nhằm phát hiện sớm, áp dụng biện pháp can thiệp kịp thời các vụ NĐTP và các bệnh truyền qua thực phẩm; đồng thời có dữ liệu khoa học để làm căn cứ xây dựng hệ thống cảnh báo nhanh về ATTP tại các cấp.

- Tình hình NĐTP: Trong giai đoạn 2011 - 2015, toàn tỉnh xảy ra 19 vụ NĐTP cấp tính, làm 610 người mắc, các vụ NĐTP xảy ra đã được xử trí kịp thời, không có trường hợp tử vong, 100% số vụ NĐTP là do thực phẩm bị ô nhiễm vi sinh vật, tỷ lệ mắc/100.000 dân là 7,6 (*mục tiêu đến năm 2015 trong KH 959 của tỉnh đề ra là dưới 8/100.000 dân*); trong đó, số vụ NĐTP xảy ra tại bữa ăn tập thể là 09 vụ (chiếm 47,4%), tại tiệc cỗ (đám cưới, tâm gia, đám giỗ) là 08 vụ (chiếm 42,1%), tại bữa ăn gia đình là 02 vụ (chiếm 10,5%). So sánh tình hình NĐTP trong 5 năm qua với giai đoạn 2006 - 2010 cho thấy: Giảm được 6 vụ NĐTP, giảm 113 người mắc, giảm 05 người tử vong, tỷ lệ mắc/100.000 dân giảm 1,7; căn nguyên gây NĐTP: tăng 02 vụ NĐTP do vi sinh vật; giảm: 04 vụ NĐTP do hóa chất, 02 vụ NĐTP do thực phẩm biến chất, 02 vụ do thực phẩm có sẵn độc chất.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác quản lý về ATTP trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến tích cực; công tác quản lý nhà nước về ATTP đã được phân công, phân cấp theo quy định của Luật ATTP, Nghị định và các Thông tư hướng dẫn; các đơn vị trong ngành đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Công tác quản lý nhà nước về ATTP và hoạt động liên ngành thực hiện theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT- BYT- BNNPTNT- BCT, góp phần giảm được sự chông chéo trong thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về ATTP.

- Hoạt động giám sát ô nhiễm thực phẩm, phòng ngừa sự cố về ATTP được duy trì triển khai.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai công tác quản lý nhà nước về ATTP; BCĐLN về ATTP cấp xã được thành lập, nhưng hoạt động chưa hiệu quả, còn tình trạng bỏ trống nhiệm vụ, khoán trắng cho Trạm Y tế thực hiện công tác bảo đảm ATTP ở địa phương; một số đoàn thể chính trị - xã hội chưa thực sự phối hợp chặt chẽ với cơ quan y tế ở địa phương, chưa huy động được nhiều hội viên, đoàn viên tự giác, tích cực tham gia công tác bảo đảm ATTP và phòng, chống NĐTP.

- Tình hình kiểm soát hoá chất độc hại, dư lượng kháng sinh, hooc môn tăng trưởng, phụ gia và chất cấm, ô nhiễm vi sinh trong quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm gặp nhiều khó khăn, hạn chế; tình hình thực phẩm nhập lậu, không rõ nguồn gốc, gian lận thương mại còn diễn biến phức tạp, việc bảo đảm ATTP tại các tiệc cỗ do hộ gia đình tổ chức gắn với thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội thực hiện chưa hiệu quả; người làm dịch vụ nấu cỗ thuê chưa được quản lý về ATTP.... Đây là những nguy cơ tiềm ẩn gây NĐTP cấp tính, mạn tính, ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng thực phẩm và chưa có biện pháp kiểm soát hữu hiệu.

- Công tác truyền thông, giáo dục về ATTP còn hạn chế; ý thức, trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm chưa cao; nội dung, hình thức truyền thông còn đơn điệu, chưa thực sự làm thay đổi mạnh mẽ những hành vi không bảo đảm ATTP; điều kiện kinh tế của nhân dân còn nhiều khó khăn, việc chọn mua và sử dụng thực phẩm giá rẻ, không bảo đảm an toàn còn khá phổ biến.

- Trên 90% số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc ngành y tế quản lý có quy mô nhỏ lẻ, hộ gia đình và do cấp xã, phường quản lý, đa số chưa đạt đủ các điều kiện bảo đảm ATTP theo quy định.

- Việc quy hoạch, phát triển và kiểm soát quá trình sản xuất nông, lâm, thủy sản ban đầu còn nhiều khó khăn, bất cập, chưa đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng về nguồn thực phẩm bảo đảm an toàn.

- Công tác quản lý nhà nước về ATTP triển khai tại các cấp còn gặp khó khăn về kinh phí; cán bộ làm công tác ATTP còn thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng; mô hình tổ chức quản lý về ATTP từ tỉnh đến cơ sở chưa được đầu tư mang tính đồng bộ; chưa có định mức chi, mục lục chi kinh phí bảo đảm ATTP tại cấp huyện, xã và không có cơ chế chính sách thu hút, hỗ trợ cán bộ làm công tác ATTP như đặc thù nghề, chế độ độc hại; tuyến xã, phường chưa thực sự đủ nguồn lực để triển khai công tác quản lý nhà nước về ATTP theo quy

định, không kiên quyết xử phạt các hành vi vi phạm về ATTP mà chủ yếu nhắc nhở, khắc phục.

3. Bài học kinh nghiệm: Từ thực tiễn triển khai công tác quản lý nhà nước về ATTP giai đoạn 2011 - 2015, một số bài học kinh nghiệm được rút ra:

Một là, Việc quán triệt, thực hiện đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về bảo đảm ATTP là yếu tố quan trọng; phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể và nhân dân các dân tộc trong tỉnh để cải thiện tình trạng ATTP và quyết định sự thành công đối với vấn đề bảo đảm ATTP “Từ trang trại đến bàn ăn”.

Hai là, Phải xây dựng được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và cơ cấu tổ chức quản lý ATTP từ tỉnh đến xã, phường mang tính đồng bộ, đủ mạnh về nguồn lực để triển khai một cách toàn diện, bền vững đối với công tác bảo đảm ATTP.

Ba là, Công tác truyền thông, giáo dục pháp luật và kiến thức về ATTP phải được triển khai thường xuyên, liên tục để thay đổi nhận thức, hành vi, nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức, lương tâm của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm đối với sức khỏe của cộng đồng.

Bốn là, Cần triển khai có hiệu quả việc quy hoạch, phát triển các vùng, khu, cụm tập trung sản xuất thực phẩm ban đầu bảo đảm an toàn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu sử dụng thực phẩm “sạch” của nhân dân.

Năm là, Công tác quản lý, kiểm tra về ATTP đối với quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm phải có cơ chế hoạt động liên ngành thường xuyên nhằm tăng cường được hiệu lực, hiệu quả quản lý, kiểm soát và thúc đẩy được quá trình quản lý “chuỗi” thực phẩm an toàn, đáp ứng yêu cầu hội nhập trong tình hình mới.

Phần thứ hai:

MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về ATTP thuộc trách nhiệm của ngành y tế; góp phần bảo vệ sức khỏe, quyền lợi người tiêu dùng và đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

2.1. Mục tiêu liên ngành

100% người quản lý (bao gồm lãnh đạo các sở, ngành liên quan; lãnh đạo UBND các cấp; lãnh đạo các sở chuyên ngành: Y tế, NN&PTNT, Công thương; lãnh đạo các cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm); 95% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; 80% người tiêu dùng thực phẩm có kiến thức và thực hành đúng về ATTP.

2.2. Mục tiêu chuyên ngành

a) Tăng cường năng lực hệ thống quản lý ATTP:

- Duy trì, nâng cao năng lực hoạt động của phòng kiểm nghiệm ATTP thuộc TTYT dự phòng tỉnh đã đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2005 và hình thành hệ thống cảnh báo nhanh, quản lý nguy cơ về ATTP.

- Trên 50% cán bộ làm công tác ATTP của ngành được tập huấn lại về chuyên môn, nghiệp vụ.

- Trên 80% đơn vị quản lý nhà nước và tham gia quản lý nhà nước (*đơn vị sự nghiệp*) về ATTP thuộc ngành y tế ở các cấp được kiện toàn và đi vào hoạt động có hiệu quả; nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về ATTP của các đơn vị chức năng trong ngành.

b) Cải thiện tình trạng bảo đảm ATTP đối với cơ sở thực phẩm:

- Trên 90% cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc diện phải đăng ký kinh doanh được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định.

- Trên 95% cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống nhỏ lẻ, bếp ăn tập thể, kinh doanh thức ăn đường phố (*Cơ sở thuộc đối tượng không phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP*) thực hiện ký cam kết bảo đảm ATTP theo quy định.

c) Hạn chế tình trạng NĐTP cấp tính: Tỷ lệ mắc trong các vụ NĐTP cấp tính được ghi nhận giảm xuống còn dưới 7 trường hợp/100.000 dân.

II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về chỉ đạo, điều hành

a) Tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp:

- Hằng năm, lồng ghép việc xây dựng kế hoạch, lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, triển khai công tác quản lý nhà nước về ATTP theo quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn của tỉnh và theo phân cấp quản lý (*như Kế hoạch 15-KH/TU, Kế hoạch 959/KH-UBND, Chỉ thị 03/CT-UBND, Kế hoạch 542/KH-UBND...*); tăng cường hoạt động giám sát của HĐND, UBND và UBNDTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đối với công tác bảo đảm ATTP.

- Đưa một số chỉ tiêu về bảo đảm ATTP là chỉ tiêu cơ bản trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; các đơn vị chức năng chủ động đưa công tác bảo đảm ATTP là một nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện hằng năm.

- Hằng năm triển khai “Tháng hành động về ATTP” từ ngày 15/4 - 15/5.

- Thực hiện Chương trình phối hợp vận động và giám sát bảo đảm ATTP giữa Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và của địa phương.

- Huy động các nguồn lực xã hội tham gia vào công tác bảo đảm ATTP.

b) Tăng cường hoạt động liên ngành:

- Chủ động phối hợp với đơn vị liên quan thuộc các ngành, các cấp triển khai thường xuyên công tác kiểm tra liên ngành về ATTP tại các tuyến; tăng

cường thực hiện trong dịp Tết, lễ hội, mùa hè, Tháng hành động về ATTP, các sự kiện do địa phương tổ chức; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm về ATTP theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ điều tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về công tác ATTP của ngành, địa phương.

c) Trách nhiệm chỉ đạo, triển khai:

- Thủ trưởng các đơn vị chức năng trong ngành phải đưa công tác bảo đảm ATTP là một nhiệm vụ trọng tâm thực hiện hằng năm; thường xuyên chỉ đạo, triển khai công tác bảo đảm ATTP theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị, khoa, phòng trực thuộc; giao rõ nhiệm vụ cho từng cán bộ công chức, viên chức làm công tác ATTP; định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng, hiệu quả triển khai nhiệm vụ; kiên quyết xử lý tập thể, cá nhân theo đúng quy định khi phát hiện có sự buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm để xảy ra vi phạm trong thực thi công vụ đối với công tác bảo đảm ATTP.

- Tiếp tục đầu tư nguồn nhân lực làm công tác ATTP tại các tuyến theo hướng ổn định về số lượng, chất lượng, ổn định theo vị trí việc làm, phù hợp với chỉ tiêu biên chế cán bộ được giao; từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý ATTP từ tỉnh đến cơ sở theo hướng dẫn của Bộ Y tế; tăng cường đào tạo, tập huấn kiến thức cơ bản cho cán bộ làm công tác ATTP; nâng cao kiến thức, kỹ năng truyền thông cho nhân viên y tế thôn, bản để đảm nhận vai trò là “tuyên truyền viên về ATTP” tại cộng đồng theo nhiệm vụ quy định tại Thông tư số 07/2013/TT-BYT ngày 08/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học về lĩnh vực ATTP; xây dựng mô hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dự phòng ngộ độc thực phẩm và nhân diện các mô hình trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì việc công khai đường dây nóng về ATTP của các đơn vị chức năng trong ngành trên phương tiện thông tin đại chúng và tại cơ sở thực phẩm để tiếp nhận, xử lý kịp thời những thông tin phản ánh, tố giác các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh vi phạm về ATTP; kịp thời giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn tại được dư luận xã hội, người tiêu dùng quan tâm, phản ánh thuộc trách nhiệm quản lý của ngành y tế.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, chỉ đạo tuyến đối với công tác quản lý nhà nước về ATTP.

2. Giải pháp nâng cao kiến thức, thực hành về ATTP

2.1. Công tác thông tin, giáo dục truyền thông về ATTP

a) Đối tượng truyền thông: Các nhà lãnh đạo, quản lý; người sản xuất, chế biến, kinh doanh và tiêu dùng thực phẩm.

b) Hình thức truyền thông:

- Truyền thông gián tiếp: Tăng thời lượng, chất lượng tuyên truyền, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống loa đài tại địa phương;

kết hợp với các hình ảnh trực quan như tranh, ảnh, pano, băng rôn, tờ rơi... để chuyển tải thông điệp truyền thông đến các nhóm đối tượng; công khai biểu dương trên thông tin đại chúng các tổ chức, cá nhân làm tốt công tác bảo đảm ATTP, đồng thời phê phán và nêu tên tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về ATTP theo quy định.

- Truyền thông trực tiếp: Huy động đội ngũ cán bộ y tế, giáo dục, nông nghiệp; Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các hiệp hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp; các doanh nghiệp thực phẩm để tổ chức, triển khai hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn kiến thức pháp luật, thực hành bảo đảm ATTP thông qua hình thức tổ chức các phong trào trong cộng đồng dân cư và các cấp hội; tổ chức hội thảo, hội thi, hội nghị, nói chuyện chuyên đề; sinh hoạt câu lạc bộ, sinh hoạt chi bộ, đoàn thể và các buổi họp dân; triển khai tư vấn, hướng dẫn trực tiếp trong quá trình thanh tra, kiểm tra về ATTP.

c) Nội dung truyền thông:

- Tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm ATTP

+ Luật và các văn bản hướng dẫn thực hiện, văn bản quy định về bảo đảm ATTP trong “Chuỗi cung cấp thực phẩm” như: Luật ATTP năm 2010; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Thanh tra sửa đổi năm 2010; các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật, Pháp lệnh về lĩnh vực ATTP.

+ Các văn bản chỉ đạo của Đảng về công tác bảo đảm ATTP: Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 23/02/2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Chỉ thị số 08-CT/TW ngày 12/10/2011 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới.

+ Các văn bản chỉ đạo của Chính phủ về công tác bảo đảm ATTP: Chỉ thị số 08/1999/CT-TTg ngày 15/4/1999 về tăng cường công tác đảm bảo chất lượng vệ sinh ATTP; Chỉ thị số 06/2007/CT-TTg ngày 28/3/2007 về triển khai các biện pháp cấp bách bảo đảm VSATTP; Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 11/12/2014 về tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo đảm ATTP và phòng chống ngộ độc thực phẩm trong tình hình mới; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 về tăng cường trách nhiệm quản lý Nhà nước về ATTP.

+ Các văn bản quy định về điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ thực phẩm; danh mục các hoá chất, phụ gia được sử dụng trong sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về ATTP; phòng ngừa ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm:

+ Kiến thức khoa học trong sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm sạch, an toàn; sử dụng hoá chất, phụ gia trong sản xuất, chế biến bảo đảm an toàn. Tư vấn, hướng dẫn, vận động Giám đốc/chủ cơ sở thực phẩm tăng cường đầu tư kinh phí để cải tạo, nâng cao chất lượng điều kiện ATTP về cơ sở hạ tầng, dụng

cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, kinh doanh; chấp hành đúng các quy định của pháp luật hiện hành về điều kiện bảo đảm ATTP.

+ Những điều cần biết về chất lượng ATTP; biện pháp phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm ở người.

+ Kiến thức lựa chọn, bảo quản, chế biến thực phẩm an toàn; khuyến cáo người tiêu dùng chỉ mua và chỉ sử dụng những sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc, xuất xứ, bảo đảm ATTP; tác hại của việc sử dụng thực phẩm không bảo đảm ATTP tới sức khỏe con người; quyền lợi và nghĩa vụ của người tiêu dùng.

+ Vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội gắn với thực hiện tốt các tiêu chí bảo đảm ATTP; thay đổi những phong tục, tập quán ăn uống mất vệ sinh, ảnh hưởng tới sức khỏe và tính mạng con người.

d) Trách nhiệm thực hiện: Đơn vị chức năng trong ngành y tế phối hợp với cơ quan truyền thông, các tổ chức thành viên của MTTQ các cấp chủ động triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức, pháp luật về ATTP cho nhân dân theo kế hoạch, nhiệm vụ được giao; chủ động cung cấp tài liệu, tin bài tuyên truyền về ATTP cho đơn vị truyền thông cùng cấp để tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng và các tổ chức hội, đoàn thể; các đoàn thanh tra, kiểm tra về ATTP các cấp phải tăng cường hướng dẫn, tư vấn cho cơ sở thực phẩm khắc phục những tồn tại và chấp hành đúng điều kiện bảo đảm ATTP theo quy định của pháp luật.

2.2. Công tác tập huấn, cam kết bảo đảm ATTP

- Định kỳ tổ chức tập huấn, thông tin, tư vấn về kiến thức, pháp luật bảo đảm ATTP, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ATTP tiên tiến (GMP, GHP, HACCP..) cho chủ cơ sở, người sản xuất, kinh doanh thực phẩm; kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố và người làm dịch vụ “nấu cỗ thuê” thuộc trách nhiệm quản lý của ngành theo phân cấp.

- Triển khai ký cam kết bảo đảm ATTP với 100% cơ sở thực phẩm không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan triển khai tập huấn cho Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP và cán bộ làm công tác ATTP trong ngành y tế tại các cấp theo kế hoạch, chỉ tiêu được giao; chú trọng triển khai đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác ATTP theo phương châm “tại chỗ” là chính, với hình thức “cầm tay chỉ việc” để đáp ứng kịp thời nhiệm vụ được giao.

3. Giải pháp về quản lý, kiểm soát ATTP

- Triển khai quản lý cơ sở sản xuất, chế biến, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên; thực phẩm chức năng; kinh doanh dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể và thức ăn đường phố; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành y tế quản lý theo quy định pháp luật và theo phân cấp quản lý.

- Định kỳ triển khai thống kê, lập sổ theo dõi đầy đủ số cơ sở thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý theo phân cấp trên địa bàn, tránh tình trạng bỏ sót, bỏ ngỏ việc quản lý cơ sở thực phẩm; chủ động phân loại cơ sở thực phẩm chấp hành pháp luật về ATTP theo từng cấp độ (tốt/ khá/ kém) để tổ chức quản lý, kiểm soát theo quy định.

- Triển khai cấp các thủ tục hành chính về ATTP thuộc trách nhiệm, thẩm quyền theo quy định, bảo đảm đạt tiến độ chỉ tiêu kế hoạch, thực hiện tốt công tác cải cách hành chính.

- Triển khai xây dựng, phê duyệt kế hoạch và tiến hành thanh tra, kiểm tra chuyên ngành hằng năm đối với cơ sở thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý theo quy định của Luật Thanh tra; Quyết định số 4988/QĐ-BYT ngày 16/9/2016 của Bộ Y tế ban hành 04 quy trình thanh tra ATTP, Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01/12/2015 của Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế và các quy định, hướng dẫn của UBND tỉnh về công tác thanh tra, kiểm tra; xử lý và công khai các tổ chức, cá nhân vi phạm về ATTP theo quy định. Tiến trình thời gian thực hiện thanh tra, kiểm tra cần tập trung như sau:

* *Thời gian xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra hằng năm:* Tuyên xã, phường hoàn thiện trước ngày 01/11; tuyên huyện, thành phố hoàn thiện trước ngày 15/11; tuyên tỉnh hoàn thiện trước ngày 01/12.

* *Thời gian và đối tượng thanh tra, kiểm tra:*

+ *Quý I:* Thanh tra, kiểm tra về ATTP trong dịp Tết Nguyên đán, Lễ hội đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố; phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm.

+ *Quý II:* Thanh tra, kiểm tra về ATTP trong Tháng hành động về ATTP và mùa hè đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên; nước đá ăn liền; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố; dụng cụ bao gói, chứa đựng thực phẩm.

+ *Quý III:* Thanh tra, kiểm tra về ATTP trong dịp Tết Trung thu đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai; thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng; kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố.

+ *Quý IV:* Thanh tra, kiểm tra về ATTP trong mùa thu - đông đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố; thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng; phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; cơ sở nhập khẩu thực phẩm.

4. Công tác phòng, chống các sự cố về ATTP

- Tiếp tục đầu tư, nâng cao năng lực phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2005 của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh; nâng cao hiệu quả hoạt động của phòng thí nghiệm thuộc Trung tâm Kiểm nghiệm để có cơ sở khoa học xây dựng, triển khai hệ thống cảnh báo và phân thích nguy cơ về ATTP theo hướng chủ động “Quản lý dựa trên nguy cơ”.

- Nâng cao năng lực kiểm nghiệm thực phẩm tuyến huyện, thành phố theo phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế; tăng cường thực hiện các xét nghiệm nhanh để sàng lọc các chỉ tiêu liên quan đến chất lượng, vệ sinh ATTP phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát môi nguy ô nhiễm thực phẩm tại các tuyến; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, phòng ngừa sự cố về ATTP.

- Tiếp tục củng cố hoạt động giám sát chủ động ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm gắn với hoạt động giám sát bệnh truyền nhiễm của hệ thống y tế dự phòng từ tỉnh đến thôn, bản.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với cơ sở cung cấp nước sạch sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm và phục vụ ăn uống, sinh hoạt của nhân dân; chú trọng kiểm soát có hiệu quả đối với các nguồn nước sạch cung cấp cho các khu đô thị, khu công nghiệp, các hệ thống cấp nước tập trung.

- Xây dựng phương án, bố trí đủ nguồn lực và sẵn sàng xử trí, can thiệp kịp thời khi có các sự cố về ATTP, hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại về kinh tế và những ảnh hưởng tới sức khỏe của nhân dân.

5. Kinh phí

- Nguồn kinh phí Dự án ATTP thuộc Chương trình Dân số - Y tế.

- Kinh phí hỗ trợ của UBND các cấp.

- Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

6. Chế độ báo cáo:

6.1. Báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất

a) Đối với phòng Y tế: Tổng hợp kết quả thực hiện của các đơn vị thành viên BCĐLN về ATTP cấp huyện/thành phố và UBND các xã/phường/thị trấn, trình Trưởng BCĐLN về ATTP báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo đảm ATTP của huyện, thành phố (*đề cương báo cáo tại Phụ lục 2*):

- *Báo cáo quý*: Trước ngày 15 của tháng cuối quý;

- *Báo cáo 6 tháng*: Trước ngày 15/6;

- *Báo cáo năm*: Trước ngày 15/12;

- *Báo cáo đột xuất*: Theo quy định của UBND, BCĐLN về ATTP tỉnh và Sở Y tế Bắc Giang.

b) Đối với TTYT: Ngoài việc tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định của huyện, thành phố, có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo đảm ATTP thuộc nhiệm vụ của ngành y tế, bao gồm kết quả thực hiện của TTYT và Trạm Y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn (*đề cương báo cáo tại Phụ lục 3*):

- *Báo cáo tháng*: Trước ngày 15 hằng tháng;

- *Báo cáo quý*: Trước ngày 15 của tháng cuối quý;

- *Báo cáo 6 tháng, cả năm*: Trước ngày 15/6 và 15/12;

- *Báo cáo đột xuất*: Theo quy định của UBND, BCĐLN về ATTP tỉnh và Sở Y tế Bắc Giang.

6.2. Báo cáo kết quả thực hiện các đợt cao điểm về ATTP trong năm(Tết Nguyên đán; Tháng hành động về ATTP; Tết Trung thu): Phòng Y tế tham mưu, giúp BCĐLN về ATTP tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo đảm ATTP của huyện, thành phố (bao gồm kết quả thực hiện của các đơn vị thành viên BCĐLN về ATTP cấp huyện/thành phố và UBND các xã/phường/thị trấn); thời gian và mẫu báo cáo thực hiện theo văn bản hướng dẫn triển khai của UBND và BCĐLN về ATTP tỉnh.

6.3. Đơn vị nhận báo cáo: Các đơn vị thực hiện đầy đủ, đúng nội dung trong đề cương/mẫu báo cáo về công tác bảo đảm ATTP và gửi về Chi cục ATVSTP để tổng hợp, tham mưu cho Sở Y tế báo cáo theo quy định.

7. Công tác Thi đua - Khen thưởng, xử lý các vi phạm về ATTP thuộc lĩnh vực của ngành y tế

- Kịp thời biểu dương, khen thưởng các đơn vị, cá nhân có thành tích về công tác bảo đảm ATTP.

- Thủ trưởng các đơn vị quản lý, tham gia quản lý nhà nước về ATTP trong ngành y tế (các phòng thuộc Sở Y tế; Chi cục ATVSTP; TTYT dự phòng tỉnh; Trung tâm kiểm nghiệm; TTYT huyện, thành phố; Trạm Y tế xã, phường, thị trấn) phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Giám đốc Sở Y tế nếu để xảy ra các vụ việc vi phạm nghiêm trọng do sự yếu kém trong việc tham mưu, triển khai nhiệm vụ được giao và sai phạm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ dẫn đến buông lỏng quản lý nhà nước về ATTP.

- Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp khác trong ngành (Bệnh viện, trung tâm, trường trung cấp y, phòng khám khu vực...) có triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, tổ chức khoa dinh dưỡng tiết chế, bếp ăn tập thể phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Giám đốc Sở Y tế nếu để xảy ra các sự cố về ATTP hoặc để xảy ra các sai phạm về quy trình, quy chế chuyên môn trong quá trình cấp cứu, điều trị người bệnh khi tham gia xử trí các sự cố về ATTP.

- Căn cứ mức độ vi phạm, Sở Y tế sẽ xử lý hoặc đề nghị cơ quan chức năng xử lý các vi phạm về ATTP của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng thuộc Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan tham mưu cho Giám đốc Sở Y tế chỉ đạo, triển khai công tác bảo đảm ATTP :

1.1. Phòng Nghiệp vụ Y

- Chỉ đạo, triển khai công tác quản lý nhà nước về ATTP thuộc trách nhiệm của ngành y tế.

- Phối hợp với Sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố triển khai các hoạt động tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra, giám sát và khắc phục sự cố về ATTP.

- Phối hợp với Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm định kỳ điều tra, đánh giá chỉ tiêu kế hoạch ngắn hạn, trung hạn về lĩnh vực ATTP theo đề án, chương trình, kế hoạch của tỉnh đề ra.

- Hướng dẫn các bệnh viện trong ngành triển khai công tác dinh dưỡng, tiết chế theo Thông tư số 08/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011 của Bộ Y tế.

- Định kỳ kiểm tra, đánh giá, giám sát các đơn vị trong ngành về triển khai công tác bảo đảm ATTP.

1.2. Phòng Kế hoạch Tài chính

- Triển khai đầu tư, nâng cao năng lực hoạt động của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Trung tâm Y tế huyện, thành phố và Trạm Y tế xã, phường nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý ATTP trong tình hình mới.

- Giao chỉ tiêu kế hoạch chuyên môn, kinh phí cho các đơn vị về lĩnh vực ATTP; hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định.

- Định kỳ kiểm tra, giám sát các đơn vị về tiến độ, chất lượng thực hiện chỉ tiêu kế hoạch chuyên môn, kinh phí.

1.3. Thanh tra Sở Y tế

- Triển khai có hiệu quả Đề án nâng cao năng lực thanh tra y tế theo hướng dẫn tại Kế hoạch số 950/KH-UBND ngày 13/4/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang; Kế hoạch số 76/KH-SYT ngày 09/6/2016 của Sở Y tế nhằm tăng cường đầu tư nguồn nhân lực làm công tác thanh tra, kiểm tra về ATTP tại các tuyến.

- Triển khai công tác phòng, chống tham nhũng, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến lĩnh vực bảo đảm ATTP thuộc trách nhiệm của ngành y tế.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị triển khai công tác thanh tra, kiểm tra về ATTP theo đúng quy định của Luật Thanh tra; Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01/12/2015 của Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

- Hằng năm, lồng ghép việc xây dựng kế hoạch và tiến hành thanh tra cơ sở hành nghề y, dược với thanh tra việc kinh doanh, quảng cáo thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật; phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai công tác thanh tra liên ngành định kỳ, đột xuất về ATTP.

- Định kỳ thanh tra, kiểm tra các đơn vị trong ngành về việc chấp hành quy định của pháp luật đối với công tác bảo đảm ATTP.

1.4. Phòng Quản lý hành nghề y dược tư nhân

- Chỉ đạo, hướng dẫn phòng Y tế : Hằng năm chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng ở địa phương thực hiện lồng ghép công tác quản lý, kiểm tra cơ sở hành nghề y, dược ngoài công lập trên địa bàn với quản lý, kiểm tra việc kinh doanh, quảng cáo thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng; tránh tình trạng kiểm tra chồng chéo giữa các cấp, các đơn vị cùng cấp, gây khó khăn cho cơ sở.

- Hằng năm, lồng ghép việc xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra hành nghề y, dược tư nhân với kiểm tra kinh doanh, quảng cáo thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng; kịp thời đề xuất người có thẩm quyền xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

1.5. Phòng Tổ chức cán bộ

- Tham mưu với Giám đốc Sở Y tế đề xuất với UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai việc quy hoạch, bổ sung biên chế cán bộ làm công tác ATTP, kiện toàn cơ cấu tổ chức đối với các đơn vị chức năng của ngành từ tỉnh đến xã nhằm đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước về ATTP.

- Đề xuất với Giám đốc Sở Y tế chỉ đạo, triển khai công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước về ATTP.

2. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm

- Có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng của Sở Y tế trong việc tham mưu cho Giám đốc Sở triển khai một số nhiệm vụ:

+ Tham mưu, trình UBND tỉnh xây dựng chiến lược, quy hoạch, đề án, chương trình, quyết định, chỉ thị, kế hoạch phát triển dài hạn, kế hoạch năm năm về ATTP thuộc lĩnh vực của ngành; kiện toàn cơ cấu tổ chức và đầu tư nguồn lực để nâng cao năng lực hoạt động của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Triển khai, thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực về quản lý ATTP cấp tỉnh; trình Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành công tác bảo đảm ATTP; triển khai kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác quản lý nhà nước về ATTP của các ngành, các địa phương, đơn vị.

+ Phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội và các địa phương triển khai các hoạt động liên ngành về truyền thông, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý ATTP.

+ Chỉ đạo các đơn vị trong ngành triển khai công tác quản lý nhà nước về ATTP; định kỳ điều tra, đánh giá chỉ tiêu kế hoạch ngắn hạn, trung hạn về lĩnh vực ATTP theo đề án, chương trình, kế hoạch của tỉnh đề ra.

+ Phối hợp với Văn phòng Sở triển khai giải quyết các thủ tục hành chính về ATTP tại Trung tâm hành chính công của tỉnh.

+ Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác quản lý ATTP của tỉnh, của ngành theo quy định.

- Tổ chức quản lý, tư vấn, hướng dẫn, tập huấn, ký cam kết bảo đảm ATTP đối với các cơ sở thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý; triển khai thẩm định, cấp, đình chỉ, thu hồi các thủ tục hành chính về ATTP thuộc thẩm quyền theo quy định.

- Triển khai giao chỉ tiêu kế hoạch chuyên môn, kinh phí về công tác ATTP theo ủy quyền của Giám đốc Sở Y tế; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai giám sát môi trường ô nhiễm thực phẩm và điều tra, khắc phục sự cố về ATTP thuộc trách nhiệm của ngành y tế.

- Triển khai công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về ATTP theo quy định; tổ chức tập huấn cho cán bộ làm công tác ATTP trong ngành ở các tuyến.

- Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2016 - 2020; định kỳ kiểm tra, giám sát, chỉ đạo tuyến về công tác bảo đảm ATTP.

- Duy trì việc công khai đường dây nóng về ATTP để tiếp nhận, xử lý kịp thời những thông tin phản ánh, tố giác các tổ chức, cá nhân vi phạm về ATTP; phối hợp với Thanh tra Sở triển khai giải quyết khiếu nại, tố cáo về ATTP theo quy định.

3. Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh

- Tham mưu cho Giám đốc Sở Y tế chỉ đạo, triển khai nâng cao năng lực kiểm nghiệm thực phẩm theo phân tuyến kỹ thuật; đầu tư nguồn lực nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện kiểm soát chất lượng xét nghiệm bằng thử nghiệm thành thạo đối với phòng xét nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2005 để từng bước hình thành hệ thống cảnh báo nhanh và quản lý nguy cơ về ATTP; phối hợp với cơ quan liên quan triển khai kiểm tra, giám sát đối với cơ sở cung cấp nước sạch phục vụ ăn uống, sinh hoạt của nhân dân.

- Tổ chức tập huấn, chỉ đạo tuyến về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật cho cán bộ xét nghiệm thực phẩm tuyến cơ sở.

- Phối hợp với các ngành và đơn vị chức năng các tuyến triển khai công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành, chuyên ngành, giám sát ô nhiễm thực phẩm, khắc phục sự cố về ATTP.

- Cùng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát bệnh truyền nhiễm với giám sát chủ động ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm từ tỉnh đến thôn, bản.

4. Trung tâm Kiểm nghiệm

- Tham mưu cho Giám đốc Sở Y tế chỉ đạo, triển khai nâng cao năng lực phòng kiểm nghiệm dược phẩm và thực phẩm chức năng theo hướng đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp với các ngành và đơn vị chức năng các tuyến triển khai công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành, chuyên ngành đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng theo quy định.

- Chủ động triển khai giám sát chất lượng sản phẩm thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường vi chất tại các cơ sở hành nghề y, được cùng với hoạt động quản lý chất lượng thuốc, mỹ phẩm.

5. Phòng Y tế huyện, thành phố: Là cơ quan thường trực về quản lý ATTP của huyện, thành phố có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng tham mưu cho UBND, Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP huyện, thành phố:

- Chỉ đạo, điều hành, triển khai toàn diện công tác quản lý nhà nước về ATTP; hằng năm giao chỉ tiêu kế hoạch chuyên môn về công tác ATTP; đầu tư, nâng cao năng lực hoạt động của các đơn vị quản lý nhà nước và tham gia quản lý

nhà nước về ATTP; chú trọng lồng ghép việc xây dựng kế hoạch và thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của cấp ủy Đảng, chính quyền, Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP và các ngành chức năng các cấp về lĩnh vực ATTP.

- Chỉ đạo các đơn vị chức năng, UBND cấp xã tổ chức quản lý, thống kê phân loại cơ sở thực phẩm; kiểm soát chặt chẽ cơ sở thực phẩm và lực lượng làm dịch vụ nấu cỗ thuê được phân công, phân cấp quản lý trên địa bàn.

- Triển khai công tác kiểm tra, giám sát liên ngành về ATTP với tần suất theo quy định của pháp luật, quy định của tỉnh và bảo đảm nguyên tắc “một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước”, tránh sự chồng chéo giữa các ngành, các cấp; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý, công khai các tổ chức, cá nhân vi phạm về ATTP theo quy định của pháp luật.

- Triển khai xử lý, khắc phục các sự cố về ATTP xảy ra trên địa bàn; duy trì việc công khai đường dây nóng về ATTP để tiếp nhận, xử lý kịp thời những thông tin phản ánh, tố giác các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh vi phạm về ATTP.

- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác quản lý ATTP của địa phương theo quy định.

6. Trung tâm Y tế huyện, thành phố

- Phối hợp với phòng Y tế và đơn vị liên quan tham mưu cho UBND, Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP huyện, thành phố chỉ đạo, điều hành triển khai công tác quản lý nhà nước, giao chỉ tiêu kế hoạch và kiểm tra chuyên ngành về ATTP, công khai đường dây nóng về ATTP; đầu tư, nâng cao năng lực hoạt động về lĩnh vực ATTP của Trung tâm Y tế, Trạm Y tế...

- Tổ chức quản lý, tư vấn, hướng dẫn, tập huấn, ký cam kết bảo đảm ATTP đối với các cơ sở thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý; triển khai thẩm định, cấp, đình chỉ, thu hồi các thủ tục hành chính về ATTP thuộc thẩm quyền theo quy định.

- Triển khai tập huấn, chỉ đạo tuyên cho cán bộ làm công tác ATTP cấp huyện, xã; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng truyền thông về ATTP cho nhân viên y tế thôn, bản.

- Triển khai giám sát mối nguy ô nhiễm đối với các nhóm thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành y tế và điều tra, khắc phục sự cố về ATTP theo quy định.

- Chỉ đạo Trạm Y tế làm tốt vai trò là cơ quan thường trực về quản lý ATTP, chủ động tham mưu với UBND, BCĐLN về ATTP xã, phường chỉ đạo, điều hành, triển khai toàn diện công tác quản lý nhà nước về ATTP ở địa phương; triển khai công tác tuyên truyền, quản lý và kiểm tra liên ngành đối với cơ sở thực phẩm, giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm, chủ động phòng chống các sự cố về ATTP; hướng dẫn nhân viên y tế thôn, bản làm tốt nhiệm vụ về lĩnh vực ATTP tại cộng đồng theo quy định tại Thông tư số 07/2013/TT-BYT ngày 08/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác ATTP theo quy định.

7. Các đơn vị khác trong ngành

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về ATTP cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị.

- Các đơn vị, bệnh viện có cơ sở kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc phạm vi quản lý. Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện đúng quy định hiện hành về ATTP; triển khai công tác dinh dưỡng, tiết chế trong bệnh viện theo quy định tại Thông tư số 08/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011 của Bộ Y tế.

- Bệnh viện đa khoa các tuyến, phòng khám đa khoa khu vực chủ động thành lập các đội cấp cứu cơ động, bố trí đủ vật tư, thuốc, nhân lực; kịp thời báo cáo Sở Y tế, UBND huyện, thành phố/ thông báo cho đơn vị y tế chức năng (*Chi cục ATVSTP, TTYT dự phòng tỉnh; Phòng Y tế, TTYT huyện, thành phố*) khi phát hiện có vụ NĐTP hoặc dịch bệnh truyền qua thực phẩm xảy ra để chỉ đạo, triển khai cấp cứu, điều trị người bệnh và điều tra, khắc phục sự cố về ATTP.

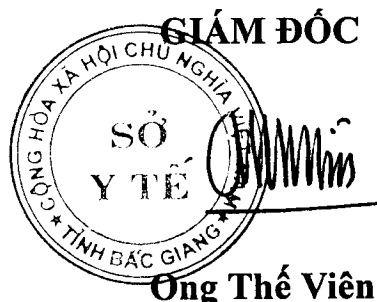
Yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị trong ngành, Trưởng phòng Y tế huyện, thành phố nghiên cứu, triển khai Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, NVY.

Bản điện tử:

- UBND tỉnh (B/cáo);
- Cục ATTP Bộ Y tế (B/cáo);
- Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trong ngành y tế;
- Phòng Y tế các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Các phòng thuộc Sở Y tế;
- Website Sở Y tế.



KẾT QUẢ
Thực hiện mục tiêu Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm
đến năm 2015 của ngành Y tế tỉnh Bắc Giang

T T	CHỈ TIÊU	ĐV tính	KH đến 2015	TH đến 2015	% TH so KH
Mục tiêu 1: Nâng cao kiến thức và thực hành về ATTP					
1	Tỷ lệ người quản lý, lãnh đạo có kiến thức, thực hành đúng về ATTP	%	80,0	81,4	101,8
2	Tỷ lệ người sản xuất thực phẩm có kiến thức, thực hành đúng về ATTP	%	70,0	72,5	103,6
3	Tỷ lệ người kinh doanh thực phẩm có kiến thức, thực hành đúng về ATTP	%	70,0	71,4	102,0
4	Tỷ lệ người tiêu dùng thực phẩm có kiến thức, thực hành đúng về ATTP	%	70,0	70,8	101,1
Mục tiêu 2: Tăng cường năng lực hệ thống quản lý ATTP					
1	Phòng kiểm nghiệm ATTP của TTYT dự phòng tỉnh đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2005	Phòng	1	1	100,0
2	Đơn vị quản lý nhà nước về ATTP trong ngành được kiện toàn và đi vào hoạt động	Đơn vị	1	1	100,0
3	Khoa ATVSTP thuộc TTYT huyện, thành phố được kiện toàn và đi vào hoạt động	Khoa	3	1	33,3
4	Thành lập, củng cố lực lượng thanh tra chuyên ngành về ATTP của Chi cục ATVSTP	Đơn vị	1	1	100,0
5	Tập huấn chương trình cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ				
a	Cán bộ quản lý ATTP cấp tỉnh	%	70,0	100,0	142,9
b	Cán bộ quản lý ATTP cấp huyện	%	50,0	100,0	200,0
c	Cán bộ quản lý ATTP cấp xã, phường	%	30,0	100,0	333,3
d	Cộng tác viên ATTP ở tuyến xã, phường (nhân viên Y tế thôn, bản)	%	60,0	95,0	158,3
Mục tiêu 3: Cải thiện tình trạng bảo đảm ATTP của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm					
	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, cơ sở dịch vụ ăn uống được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP theo quy định;	%	50,0	73,3	146,6
Mục tiêu 4: Hạn chế tình trạng ngộ độc thực phẩm cấp tính					
	Tỷ lệ mắc trong các vụ ngộ độc thực phẩm cấp tính được ghi nhận	/100.000 dân	< 8	7,6 (*)	Đạt

(*) Tỷ lệ mắc tính trung bình năm (giai đoạn 2011 - 2015)

(TÊN CƠ QUAN, TC CHỦ QUẢN) CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(TÊN CƠ QUAN, TC BÁO CÁO) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-....., ngày tháng năm 201...

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm

Quý..... 6 tháng năm

I. THÔNG TIN CHUNG (cấp huyện, xã tổng hợp nội dung này)

1. Dân số:.....người;
2. Diện tích:..... Km²
3. Số huyện, TP:.....
4. Tổng số xã, phường, thị trấn:.....
5. Số thôn, bản, khu dân cư:.....

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kết quả ban hành văn bản chỉ đạo triển khai công tác bảo đảm ATTP:

Các địa phương/ cơ quan/ đơn vị các cấp nêu cụ thể tên, trích yếu văn bản đã ban hành để chỉ đạo triển khai các hoạt động bảo đảm ATTP theo chỉ đạo của cấp trên (cần bám sát các văn bản chỉ đạo của UBND, BCĐLN về ATTP tỉnh như: Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 20/01/2015 tăng cường công tác bảo đảm ATTP trong tình hình mới/ Kế hoạch số 959/KH-UBND ngày 15/5/2012 thực hiện Chiến lược quốc gia ATTP giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030; Kế hoạch số 1542/KH-UBND ngày 03/6/2016 triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP/ Chương trình phối hợp và vận động về ATTP; Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm ATTP hằng năm hoặc Kế hoạch tăng cường trong dịp Tết, Lễ hội, Tháng hành động về ATTP, mùa hè, các sự kiện do tỉnh, địa phương tổ chức...).

2. Tổng hợp kết quả chỉ đạo, điều hành

T T	Nội dung hoạt động	Tuyến xã		Tuyến huyện	
		Tổng số xã, phường	Số xã có (*)	Tổng số huyện, TP	Số huyện có (*)
1	Thành lập/ kiện toàn BCĐLN về ATTP do Chủ tịch UBND làm Trưởng ban				
2	Quy chế hoạt động của BCĐLN về ATTP				
3	Phân công nhiệm vụ cho thành viên BCĐLN về ATTP				
4	UBND/BCĐLN về ATTP định kỳ tổ chức hội nghị triển khai/sơ kết, tổng kết công tác ATTP:				
	Hằng quý				
	6 tháng				
	1 năm				
	Tháng hành động về ATTP				
5	Có Quyết định/ Chỉ thị về ATTP				
6	Có Kế hoạch triển khai công tác ATTP				
7	Có Công văn triển khai công tác ATTP				

(*) Nếu là báo cáo của 1 xã / 1 huyện/ 1 ngành, cơ quan nếu có thì đánh dấu (X) vào ô tương ứng

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Công tác thông tin, truyền thông, vận động bảo đảm ATTP

1.1. Kết quả vận động và giám sát bảo đảm ATTP

T T	Hoạt động	Thôn, bản		Tuyến xã		Tuyến huyện		Cộng	
		Tổng số	Số thực hiện	Tổng số	Số thực hiện	Tổng số	Số thực hiện	Tổng số	Số thực hiện
1	Tập huấn về ATTP (Cộng a - c)								
a	BCDLN về ATTP (người)								
b	UBMTTQ và các đơn vị thành viên (người)								
c	Người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm (người)								
2	Số huyện, xã xây dựng mô hình vận động và giám sát ATTP								
3	Số thôn, bản, khu dân cư tổ chức hoạt động tuyên truyền, vận động và kiểm tra, giám sát ATTP								
4	Số hộ được vận động đăng ký, cam kết ATTP								
5	Số hộ được công nhận sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn								
6	Số HTX, doanh nghiệp được công nhận sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn								
7	Số xã được công nhận nông thôn mới đạt tiêu chí ATTP								
8	Số phường, thị trấn được công nhận đô thị văn minh đạt tiêu chí ATTP								
9	Số lượng cộng tác viên tuyên truyền về ATTP								

1.2. Kết quả truyền thông về ATTP

TT	Hoạt động	Thôn, bản		Tuyến xã		Tuyến huyện		Cộng	
		Số lượng/buổi	TS người tham dự/ phạm vi bao phủ	Số lượng/buổi	TS người tham dự/ phạm vi bao phủ	Số lượng/buổi	TS người tham dự/ phạm vi bao phủ	Số lượng/buổi	TS người tham dự/ phạm vi bao phủ
1	Tổ chức phát động Tháng hành động về ATTP								
2	Nói chuyện								
3	Tập huấn								
4	Hội thảo								
5	Phát thanh								
6	Truyền hình								
7	Loa, đài; TT lưu động								
8	Báo viết, báo điện tử								
9	Sản phẩm truyền thông:								
	- Băng rôn, khẩu hiệu								
	- Tranh ảnh, áp - phích								
	- Tờ gấp								
	- Băng, đĩa hình								
	- Băng, đĩa âm								
	- Khác (ghi rõ):.....								
10	Hoạt động khác (ghi rõ):...								

1.3. Công khai, tiếp nhận, xử lý thông tin

TT	Hoạt động	Tuyển xã		Tuyển huyện		Cộng	
		Tổng số	Số thực hiện	Tổng số	Số thực hiện	Tổng số cơ quan	Số thực hiện
1	Công khai đường dây nóng về ATTP						
2	Số cơ sở sản xuất, chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn đã công khai trên phương tiện thông tin đại chúng						
3	Số cơ sở phân phối, kinh doanh sản phẩm thực phẩm được xác nhận bảo đảm an toàn đã công khai trên phương tiện thông tin đại chúng						
4	Số vụ tiếp nhận thông tin phải xử lý						
5	Số vụ tiếp nhận thông tin đã xử lý						
6	Số vụ tiếp nhận thông tin đang xử lý						
7	Số vụ tiếp nhận thông tin chưa xử lý						

2. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chấp hành pháp luật về ATTP

2.1. Tình hình quản lý cơ sở thực phẩm và kiểm soát lưu thông thực phẩm

a) Kết quả cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

TT	Loại hình	Tuyển huyện			
		Tổng số	Số phải cấp	Số cấp mới	Lũy cấp (còn hiệu lực)
1	Cơ sở thu gom				
2	Cơ sở giết mổ				
3	Cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm				
4	Cơ sở kinh doanh; nhập khẩu; xuất khẩu thực phẩm				
5	Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống				
	Cộng (1 - 5)				

b) Kết quả ký cam kết bảo đảm ATTP:

T T	Loại hình	Tuyển xã				Tuyển huyện				Cộng			
		Tổng số	Số phải ký	Số ký mới	Lũy cấp (còn hiệu lực)	Tổng số	Số phải ký	Số ký mới	Lũy cấp (còn hiệu lực)	Tổng số	Số phải ký	Số ký mới	Lũy cấp (còn hiệu lực)
1	Cơ sở thu gom												
2	Cơ sở giết mổ												
3	Cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm												
4	Cơ sở kinh doanh; nhập khẩu; xuất khẩu thực phẩm												
5	Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống												
6	Bếp ăn tập thể												
7	Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố												
	Cộng (1 - 7)												
8	Người làm dịch vụ "nấu cỗ thuê"												

c) Kết quả quy hoạch và kiểm soát đối với chợ, siêu thị:

TT	Loại hình	Tuyến xã				Tuyến huyện				Cộng			
		Tổng số	Số quy hoạch bảo đảm ATTP	Số kiểm tra	% đạt so với số kiểm tra	Tổng số	Số quy hoạch bảo đảm ATTP	Số kiểm tra	% đạt so với số kiểm tra	Tổng số	Số quy hoạch bảo đảm ATTP	Số kiểm tra	% đạt so với số kiểm tra
1	Chợ hạng 1												
2	Chợ hạng 2												
3	Chợ hạng 3												
4	Chợ tạm												
5	Siêu thị												
	Cộng (1 - 5)												

d) Kết quả kiểm soát thực phẩm nhập lậu, không rõ nguồn gốc, kém chất lượng; kiểm soát lưu thông, vận chuyển thực phẩm: (Nêu cụ thể về số lượng vụ việc, hình thức xử lý như: thu hồi, tiêu hủy, xử phạt, buộc kiểm dịch, tái chế, phát mại.....)

2.2. Tình hình thanh tra, kiểm tra, giám sát chấp hành pháp luật về ATTP

a) Thành lập đoàn kiểm tra:

TT	Thành phần đoàn	Tuyến xã	Tuyến huyện	Cộng
1	Số Đoàn kiểm tra chuyên ngành			
2	Số Đoàn kiểm tra liên ngành			
3	Số Đoàn giám sát về ATTP			
	Cộng			
	Trong đó:			
	- Số đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát có thành phần của MTTQ hoặc đơn vị thành viên			
	- Số đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát đã gửi kết luận hoặc báo cáo đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát tới MTTQ cùng cấp			

b) Kết quả kiểm tra cơ sở thực phẩm:

T T	Nội dung	Tuyến xã			Tuyến huyện			Cộng		
		Tổng số	Số K.tra	Số đạt	Tổng số	Số K.tra	Số đạt	Tổng số	Số K.tra	Số đạt
1	Cơ sở thu gom									
2	Cơ sở giết mổ									
3	Cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm									
4	Cơ sở kinh doanh; nhập khẩu; xuất khẩu thực phẩm									
5	Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống									
6	Bếp ăn tập thể									
7	Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố									
	Cộng (1 - 7)									

c) Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm về ATTP:

Tổng hợp tình hình vi phạm	Tuyến xã		Tuyến huyện		Cộng	
	Số lượng	% so với số được kiểm tra	Số lượng	% so với số được kiểm tra	Số lượng	% so với số được kiểm tra
1. T.số cơ sở được kiểm tra						
2. Số cơ sở có vi phạm						
3. Số cơ sở vi phạm bị xử lý						
Trong đó:						
3.1. Hình thức phạt chính:						
Số cơ sở bị cảnh cáo						
Số cơ sở bị phạt tiền						
Tổng số tiền phạt (Tr.đồng)						
3.2. Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả:						
* Số cơ sở bị đóng cửa						
* Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành SP						
- Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành						
* Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm						
- Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy						
* Số cơ sở phải khắc phục về nhãn						
- Số loại SP có nhãn phải khắc phục						
* Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu quảng cáo						
- Số loại tài liệu quảng cáo bị đình chỉ lưu hành						
- Các xử lý khác (ghi rõ)						
3.3. Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý						
3.4. Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)						

d) Các nội dung vi phạm về ATTP chủ yếu:

T T	Nội dung vi phạm	Tuyến xã			Tuyến huyện			Cộng		
		Số kiểm tra	Số vi phạm	% vi phạm	Số kiểm tra	Số vi phạm	% vi phạm	Số kiểm tra	Số vi phạm	% vi phạm
1	Giấy chứng nhận kinh doanh									
2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP									
3	Công bố tiêu chuẩn sản phẩm									
4	Điều kiện vệ sinh cơ sở									
5	Điều kiện vệ sinh trang thiết bị dụng cụ									
6	Điều kiện con người									
7	Công bố sản phẩm									
8	Ghi nhãn thực phẩm									
9	Quảng cáo thực phẩm									
10	Chất lượng SP thực phẩm									
11	Vi phạm khác (ghi rõ)									

d) Kết quả kiểm nghiệm mẫu thực phẩm

Tên loại xét nghiệm		Tuyến xã		Tuyến huyện		Cộng	
		Tổng số mẫu	Số mẫu đạt	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt
Xét nghiệm tại labo	Hoá lý						
	Vi sinh vật						
Cộng số mẫu XN tại labo							
Xét nghiệm nhanh							
Cộng							

2.3. Kết quả giám sát về ATTP của MTTQ và các tổ chức thành viên

TT	Tên đơn vị/ cơ sở thực phẩm được giám sát	Tuyến xã		Tuyến huyện		Cộng	
		Số giám sát	Số đạt yêu cầu	Số giám sát	Số đạt yêu cầu	Số giám sát	Số đạt yêu cầu
1	Đơn vị thuộc Sở NN&PTNT quản lý						
2	Đơn vị thuộc Sở Công Thương quản lý						
3	Đơn vị thuộc Sở Y tế quản lý						
4	UBND huyện, TP và các đơn vị trực thuộc						
5	UBND xã, phường, thị trấn						
6	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm:						
a	Cơ sở thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành NN&PTNT quản lý						
b	Cơ sở thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành công thương quản lý						
c	Cơ sở thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành y tế quản lý						

3. Tình hình dịch, bệnh và ngộ độc thực phẩm cấp tính được ghi nhận

3.1. Tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm: Nêu cụ thể loại dịch bệnh, số lượng mắc, các biện pháp xử trí, kết quả phòng chống dịch.

3.2. Vụ ngộ độc thực phẩm cấp tính được ghi nhận: Nêu cụ thể về số vụ, số ca mắc, số tử vong, tỷ lệ mắc/100.000 dân; biện pháp và kết quả khắc phục.

3.3. Tình hình dịch bệnh đường tiêu hóa ở người: Nêu cụ thể loại dịch bệnh, số lượng mắc, các biện pháp xử trí và kết quả khắc phục.

4. Kết quả đầu tư nguồn lực cho công tác ATTP

4.1. Kinh phí

TT	Kinh phí phân bổ cho các hoạt động	Nguồn kinh phí (ĐVT: Triệu đồng)					Cộng
		Tuyến xã	Tuyến huyện	Tuyến tỉnh	Trung ương	Viện trợ	
1	Quản lý; đào tạo, tập huấn						
2	Truyền thông						
3	Thanh tra, kiểm tra						
4	Giám sát						
5	Xét nghiệm						
6	Phòng, chống dịch bệnh						
	Cộng (1 - 6)						

4.2. Nhân lực làm công tác ATTP

TT	Nhân lực bố trí tại các cấp, các ngành	Tuyển xã		Tuyển huyện		Cộng	
		Chuyên trách	Kiểm nhiệm	Chuyên trách	Kiểm nhiệm	Chuyên trách	Kiểm nhiệm
1	Ngành NN&PTNT						
2	Ngành công thương						
3	Ngành y tế						
4	UBND xã, phường, thị trấn						
	Cộng						

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

(Nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu, kết quả thực hiện đã nêu ở trên và có so sánh với cùng kỳ năm trước; đánh giá điểm mạnh, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân)

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

(Nêu cụ thể)

VI. PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI KỲ TIẾP THEO

(Nêu phương hướng nhiệm vụ thực hiện công tác bảo đảm ATTP quý kế tiếp; 6 tháng cuối năm hoặc năm kế tiếp)

Nơi nhận:

.....

Bản điện tử:

-

-

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Để tránh việc trùng lặp số liệu về kết quả thực hiện tại các cấp, các ngành. Đề nghị các đơn vị tổng hợp, báo cáo như sau:

- **BCĐLN về ATTP các huyện, xã:** Tổng hợp kết quả thực hiện trên địa bàn và báo cáo đầy đủ các nội dung theo đề cương trên (Lưu ý: Tuyển huyện báo cáo kết quả thực hiện của các đơn vị thành viên BCĐLN về ATTP cùng cấp và của các xã, phường, thị trấn).

- **Các cơ quan, đơn vị là thành viên BCĐLN về ATTP cấp huyện, thành phố:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung đánh giá tại Mục II, III của đề cương để tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện (Lưu ý: Không tổng hợp kết quả thực hiện của các đơn vị thuộc ngành ở cấp xã vì đã được tổng hợp trong báo cáo của cấp xã, phường).

- Báo cáo quý I được tổng hợp số liệu từ ngày 16/12 năm trước.

Nội dung báo cáo tại Phụ lục 2 được tổng hợp theo quy định về chế độ báo cáo của các văn bản sau:

- Quyết định số 66/QĐ-BCĐTUVSATTP ngày 11/11/2010 của BCĐLNTU về VSATTP ban hành các tiêu chí đánh giá kết quả và hiệu quả công tác ATTP hằng năm;
- Quyết định số 2358/QĐ-BYT ngày 07/6/2016 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Chương trình vận động và giám sát bảo đảm ATTP giai đoạn 2016 - 2020;
- Báo cáo Tháng hành động về ATTP theo Quyết định số 01/2006/QĐ-BYT ngày 09/01/2006 của Bộ Y tế quy định chế độ báo cáo và mẫu báo cáo về VSATTP.
- Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 20/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh;
- Kế hoạch số 1542/KH-UBND ngày 03/6/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

(Tên đơn vị chủ quản)
(Tên đơn vị báo cáo)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BC-.....

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO**Kết quả thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm**Tháng..... / Quý..... / 6 tháng / năm 20.... **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO:** (Nêu cụ thể tên, trích yếu văn bản đã tham mưu/ ban hành để chỉ đạo, triển khai các hoạt động bảo đảm ATTP)**II. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN****1. Tập huấn về ATTP**

TT	Hoạt động	Tuyển xã (người)		Tuyển huyện (người)		Cộng (người)	
		Tổng số	Số thực hiện	Tổng số	Số thực hiện	Tổng số	Số thực hiện
1	BCĐ liên ngành về ATTP						
2	Ủy ban MTTQ và các đơn vị thành viên						
3	Người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm						
4	Nhân viên y tế thôn, bản						
5	Người làm dịch vụ “nấu cỗ thuê”						
	Cộng (1 - 5)						

2. Xác nhận kiến thức về ATTP

TT	Nội dung	Tuyển xã (người)			Tuyển huyện (người)			Cộng (người)		
		Tổng số	Thực hiện	Lũy cấp (còn hiệu lực)	Tổng số	Thực hiện	Lũy cấp (còn hiệu lực)	Tổng số	Thực hiện	Lũy cấp (còn hiệu lực)
1	Người sản xuất thực phẩm									
2	Người kinh doanh thực phẩm									
3	Người kinh doanh dịch vụ ăn uống									
4	Người chế biến thực phẩm trong bếp ăn tập thể									
5	Người kinh doanh thức ăn đường phố									
6	Người làm dịch vụ “nấu cỗ thuê”									
	Cộng (1 - 6)									

3. Công khai, tiếp nhận, xử lý thông tin

TT	Hoạt động	Tuyển xã		Tuyển huyện		Cộng	
		Tổng số xã	Số xã thực hiện	Tổng số	Số thực hiện	Tổng số cơ quan	Số thực hiện
1	Công khai đường dây nóng về ATTP						
2	Số vụ tiếp nhận thông tin phải xử lý						
3	Số vụ tiếp nhận thông tin đã xử lý						
4	Số vụ tiếp nhận thông tin đang xử lý						
5	Số vụ tiếp nhận thông tin chưa xử lý						

4. Truyền thông về ATTP

T T	Hoạt động	Tuyến xã		Tuyến huyện		Cộng	
		Số lượng/ buổi	Số người tham dự/ phạm vi bao phủ	Số lượng/ buổi	Số người tham dự/ phạm vi bao phủ	Số lượng/ buổi	Số người tham dự/ phạm vi bao phủ
1	Tổ chức phát động Tháng hành động về ATTP						
2	Nói chuyện						
3	Tập huấn						
4	Hội thảo						
5	Phát thanh						
6	Truyền hình						
7	Loa, đài; TT lưu động						
8	Báo viết, báo điện tử						
9	Sản phẩm truyền thông:						
	- Băng rôn, khẩu hiệu						
	- Tranh ảnh, áp - phích						
	- Tờ gấp						
	- Băng, đĩa hình						
	- Băng, đĩa âm						
	- Khác (ghi rõ):.....						
10	Hoạt động khác (ghi rõ):...						

5. Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát về ATTP

5.1. Kết quả cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (TTYT thực hiện)

T T	Nhóm thực phẩm/loại hình	Sản xuất, chế biến				Kinh doanh				Cộng			
		Tổng số	Số phải cấp	Số cấp mới	Lũy cấp (còn hiệu lực)	Tổng số	Số phải cấp	Số cấp mới	Lũy cấp (còn hiệu lực)	Tổng số	Số phải cấp	Số cấp mới	Lũy cấp (còn hiệu lực)
I	Sản xuất, kinh doanh thực phẩm												
1	Nước uống đóng chai												
2	Nước đá dùng liền												
3	Bao bì chứa đựng TP												
4	Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm												
5	Thực phẩm chức năng												
6	Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng												
7	Phụ gia thực phẩm												
	Cộng (1 - 7)												
II	Kinh doanh dịch vụ ăn uống												
1	Chế biến suất ăn sẵn												
2	Nhà hàng ăn uống												
3	Cửa hàng ăn uống												
4	Cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín												
	Cộng (1 - 4)												

5.2. Ký cam kết bảo đảm ATTP

T T	Loại hình	Tuyển xã				Tuyển huyện				Cộng			
		Tổng số	Số phải ký	Số ký mới	Lũy cấp (còn hiệu lực)	Tổng số	Số phải ký	Số ký mới	Lũy cấp (còn hiệu lực)	Tổng số	Số phải ký	Số ký mới	Lũy cấp (còn hiệu lực)
1	Cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm												
2	Cơ sở kinh doanh thực phẩm												
3	Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống (Cộng a-d)												
a	Chế biến suất ăn sẵn												
b	Nhà hàng ăn uống												
c	Cửa hàng ăn uống												
d	Cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín												
4	Bếp ăn tập thể (Cộng a-c)												
a	Bếp ăn tập thể trong trường học												
b	Bếp ăn tập thể trong doanh nghiệp												
c	Bếp ăn tập thể trong cơ quan, đơn vị												
5	Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố												
6	Người làm dịch vụ "nấu cỗ thuê"												

* Lưu ý: Bếp ăn tập thể đã cấp GCN đủ điều kiện ATTP hiện còn hiệu lực thì tổng hợp như ký cam kết.

5.3. Kiểm tra chấp hành pháp luật về ATTP

a) Thành lập đoàn kiểm tra:

TT	Thành phần đoàn	Tuyển xã	Tuyển huyện	Cộng
1	Số Đoàn kiểm tra chuyên ngành			
2	Số Đoàn kiểm tra liên ngành			
	Cộng			

b) Kết quả kiểm tra cơ sở thực phẩm:

T T	Loại hình	Tuyển xã				Tuyển huyện				Cộng			
		Tổng số	Số Ktra	Số đạt	% đạt	Tổng số	Số Ktra	Số đạt	% đạt	Tổng số	Số Ktra	Số đạt	% đạt
1	Cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm												
2	Cơ sở kinh doanh; nhập khẩu; xuất khẩu thực phẩm												
3	Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống (Cộng a-d)												
a	Chế biến suất ăn sẵn												
b	Nhà hàng ăn uống												
c	Cửa hàng ăn uống												
d	Cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín												

* Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm							
- Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy							
* Số cơ sở phải khắc phục về nhãn							
- Số loại SP có nhãn phải khắc phục							
* Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu quảng cáo							
- Số loại tài liệu quảng cáo bị đình chỉ lưu hành							
- Các xử lý khác (ghi rõ)							
3.3. Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý							
3.4. Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)							

đ) Kết quả kiểm nghiệm mẫu thực phẩm

Tên loại xét nghiệm		Tuyến xã		Tuyến huyện		Cộng	
		Tổng số mẫu	Số mẫu đạt	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt
Xét nghiệm tại labo	Hoá lý						
	Vi sinh vật						
Cộng số mẫu XN tại labo							
Xét nghiệm nhanh							
Cộng							

6. Công tác giám sát ô nhiễm thực phẩm và thống kê ngộ độc thực phẩm

6.1. Thống kê ngộ độc thực phẩm

Nội dung		Số vụ	Tác nhân								Cộng		
			Vi sinh vật		Hoá chất		Thực phẩm bị biến chất		Độc tố tự nhiên				
			M	C	M	C	M	C	M	C	M	C	
NĐTP lẻ tẻ	Tuyến xã, phường												
	Tuyến huyện, TP												
Vụ ngộ độc thực phẩm													
Cộng													

6.2. Kết quả giám sát ô nhiễm thực phẩm

T	T	Tên chỉ tiêu	Tuyến xã				Tuyến huyện				Cộng								
			KH năm		Thực hiện trong kỳ báo cáo		Lũy tích từ đầu năm		KH năm		Thực hiện trong kỳ báo cáo		Lũy tích từ đầu năm						
			T. số	Số đạt	T. số	Số đạt	T. số	Số đạt	T. số	Số đạt	T. số	Số đạt	T. số	Số đạt					

7. Kinh phí đầu tư nguồn lực cho công tác ATTP

TT	Kinh phí phân bổ cho các hoạt động	Nguồn kinh phí (ĐVT: Triệu đồng)						Cộng
		Tuyến xã	Tuyến huyện	Tuyến tỉnh	Trung ương	Viện trợ	Nguồn khác	
1	Quản lý; đào tạo, tập huấn							
2	Truyền thông							
3	Thanh tra, kiểm tra							
4	Giám sát							
5	Xét nghiệm							
6	Phòng, chống dịch bệnh							
	Cộng (1 - 6)							

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

(Nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu, kết quả thực hiện đã nêu ở trên. Riêng báo cáo quý, 6 tháng, cả năm phải so sánh với cùng kỳ năm trước; đánh giá điểm mạnh, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân)

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

(Nêu cụ thể)

Nơi nhận:

.....

CÁN BỘ TỔNG HỢP

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Bản điện tử:

.....;

.....

Ghi chú:

1. Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống được tổng hợp bao gồm các loại hình sau: Cơ sở chế biến suất ăn sẵn; Nhà hàng ăn uống; Cửa hàng ăn uống; Cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín.

2. Để tránh việc trùng lặp số liệu về kết quả thực hiện tại các cấp, các ngành. Đề nghị các đơn vị tổng hợp, báo cáo như sau:

- **Trạm Y tế xã, phường, thị trấn:** Tổng hợp kết quả thực hiện công tác bảo đảm ATTP thuộc trách nhiệm của Trạm Y tế (kết quả thực hiện thuộc lĩnh vực ngành NN&PTNT, công thương được tổng hợp trong báo cáo của xã, phường, thị trấn theo quy định tại Phụ lục 2).

- **Trung tâm Y tế huyện, thành phố:** Tổng hợp số liệu của các TYT các xã/ phường vào cột “Tuyến xã”; Kết quả thực hiện liên ngành, chuyên ngành do TTYT thực hiện được tổng hợp vào cột “Tuyến huyện”.

3. Báo cáo tháng 1/ quý I được tổng hợp số liệu từ ngày 16/12 năm trước.

Nội dung báo cáo tại Phụ lục 3 được tổng hợp theo quy định về chế độ báo cáo của các văn bản sau:

1. Quyết định số 66/QĐ-BCĐTUVSATTP ngày 11/11/2010 của BCĐLNTU về VSATTP ban hành các tiêu chí đánh giá kết quả và hiệu quả công tác ATTP hàng năm;

2. Quyết định số 2358/QĐ-BYT ngày 07/6/2016 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Chương trình vận động và giám sát bảo đảm ATTP giai đoạn 2016 - 2020;

3. Quyết định số 01/2006/QĐ-BYT ngày 09/01/2006 của Bộ Y tế quy định chế độ báo cáo và mẫu báo cáo về VSATTP;

4. Kế hoạch số 20/KH-SYT ngày 05/02/2015 của Sở Y tế về thực hiện Chi thị số 03/CT-UBND ngày 20/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh;

5. Kế hoạch số 91/KH-SYT ngày 28/7/2016 của Sở Y tế về thực hiện Chi thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

6. Quy định chế độ báo cáo của Cục ATTP (Công văn 437/ATTP-NĐ ngày 03/3/2015 về báo cáo số liệu cấp GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP); Công văn 4374/ATTP-TT ngày 26/8/2015 báo cáo số liệu về quảng cáo).